TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 304/2023/HS-ST
Ngày: 30/6/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cương.

2. Ông Huỳnh Trường Sơn.

3. Bà Phạm Thị Hồng Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Võ Thắng Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 362/2023/HSST ngày 18/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2596/2023/QĐXXST-HS ngày 14/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1977 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: ấp M, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H (đều đã chết); có chồng Lê Minh T1 (đã ly hôn) và 02 con sinh năm 1999 và 2001; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 13/8/2020 (có mặt).

2. Ngô Thị Ngọc B, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: A B, Phường F, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: không; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn H1 và bà Phạm Thị Ngọc T2 (đã chết); chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không. Bị bắt, tạm giam ngày 25/3/2021 (có mặt).

Người bào chữa:

1. Luật sư Đinh Văn T3 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim L (có mặt).

2. Luật sư Trần Thị Huy C thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Ngọc B (có mặt).

Bị hại:

1. Bà Ngô Hoàng Cát T4, sinh năm 1974; trú tại: 2 N, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Trần Tú A, sinh năm 1978; nơi thường trú: 2 C, Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1977, đã chết.

Đại diện hợp pháp của bị hại Trần Kim Đ gồm: bàNguyễn Thị Bùi, sinh năm 1980 là vợ của ông Đ; ông Trần Thành L1, sinh năm 2000; ông Trần Gia B1, sinh năm 2002 và bà Trần Tuệ M năm 2005các con ruột của ông Đ; cùng trú tại: G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Quang N, sinh năm 1987; trú tại: A T, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Lê Thị Thiên H2, sinh năm 1969; trú tại: C N, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Hồng T5, sinh năm 1987; trú tại: Tiền C, Cư xá P, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Trưởng Văn phòng C2; địa chỉ: D N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

5. Trưởng Phòng C3; địa chỉ: 9 N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Căn nhà địa chỉ số G M, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh có 2 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân Quận F cấp ngày 13/12/2010 cho bà Trần Tú A và ông Trần Kim Đ đồng sở hữu. Ngày 27/11/2012, tại Văn phòng C2, ông Trần Kim Đ lập hợp đồng ủy quyền cho bà Trần Tú A được quyền định đoạt đối với toàn bộ căn nhà này. Đến ngày 14/5/2015, ông Trần Kim Đ chết.

Ngày 29/12/2016, bà Trần Tú A thế chấp 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sớ hữu nhà ở và tài sàn khác gắn liền với đất đối với căn nhà địa chi số G M cho đối tượng tên D (chưa rõ lai lịch, quen biết bên ngoài xã hội),

vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 8.000.000 đồng/1 tháng, Tú A viết giấy tay vay tiền đưa cho D giữ. Tú A đã đóng lãi suất đến ngày 29/02/2017 thì không liên lạc được với D nữa.

Ngày 30/12/2016, tại Văn Phòng Công chứng T, Nguyễn Thị Kim L được một đối tượng nữ tên M1 và đồng phạm (chưa rõ lai lịch) làm giả Chứng minh nhân dân số 023079826 mang tên Trần Tú A, kèm theo hợp đồng ủy quyền số 014619 của Trần Kim Đ ủy quyền cho Trần Tú A được quyền định đoạt đối với căn nhà số G M và văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 008881 ngày 08/11/2010 giữa anh Trần Thuận T6 và anh Trần Kim Đ, chị Trần Tú A được Văn Phòng C2 công chứng ngày 27/11/2012, để Nguyễn Thị Kim L đóng giả bà Trần Tú A thực hiện hợp đồng chuyển nhượng căn nhà 74 M cho Ngô Thị Ngọc B (B được đối tượng nữ tên P và tên T7 (chưa rõ lai lịch) nhờ đứng ra nhận chuyển nhượng).

Ngày 09/01/2017, B và tên T7 đến Chi nhánh văn phòng Đ1 để ký nộp hồ sơ đăng bộ sang tên căn nhà trên cho B.

Ngày 17/01/2017, khi biết căn nhà trên có đơn ngăn chặn từ bà Trần Tú A là chủ sở hữu thật thì B và T7 đến Chi nhánh Văn phòng Đ1 rút lại hồ sơ đăng bộ. Do không đăng bộ sang tên được nên đối tượng tên P (chưa rõ lai lịch) đã làm giả tại phần cập nhập để cho B đứng tên trên giấy chứng nhận căn nhà G M, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16/02/2017, người đàn ông tên P1 (chưa rõ lai lịch, cò môi giới nhà đất) giới thiệu cho bà Lê Thị Thiên H2 mua căn nhà G M, Phường E, Quận F do Ngô Thị Ngọc B đứng tên chủ sở hữu với giá 10.000.000.000 đồng. Tại Phòng C4, Ngô Thị Ngọc B làm hợp đồng chuyển nhượng căn nhà G M, Phường E, Quận F cho bà Lê Thị Thiên H2. Sau khi công chứng xong, bà H2 đặt cọc cho B số tiền 5.000.000.000 đồng và giữ toàn bộ giấy tờ nhà bản chính và thông báo nộp thuế liên quan tới căn nhà G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14/3/2017, Ngô Thị Ngọc B và đối tượng nữ tên P, nam tên T7 tiếp tục bán căn nhà đồng sở hữu số G M, Phường E, Quận F cho bà Ngô Hoàng Cát T4 với giá 38.000.000.000 đồng (T4 được Nguyễn Hồng T5 giới thiệu có đối tượng tên T5 già (chưa rõ lai lịch) muốn bán căn nhà đồng sở hữu số 74 M). Tại Phòng C3, Ngô Thị Ngọc B ký kết hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Ngô Hoàng Cát T4 (bà T4 mượn ông Trương Quang N số tiền 10.600.000.000 đồng). T4 đưa số tiền 5.000.000.000 đồng cho bà Lê Thị Thiên H2, để H2 hủy hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên với B, rồi B chuyển nhượng căn nhà trên cho bà T4, bà T4 đưa cho B số tiền 5.600.000.000 đồng. Sau đó, B giao 02 giấy chứng nhận đồng sở hữu cùng căn nhà số G M, Phường E, Quận F cho ông Trương Quang N (do bà T4 vay tiền của ông N, nên ông N giữ giấy để làm tin), đồng thời bà T4 và Bích làm hợp đồng ủy quyền cho ông N để thay mặt cả hai làm thủ tục đóng thuế sang tên cho bà T4.

Ngày 15/3/2017, ông N đến Chi cục thuế Q nộp lệ phí trước bạ nhà đất và tiến hành làm thủ tục sang tên chuyển nhượng thì phát hiện căn nhà trên đã bị ngăn chặn giao dịch, nên trình báo Công an.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Nguyễn Thị Kim L và Ngô Thị Ngọc B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. L khai được chia số tiền 3.000.000 đồng, B khai được chia số tiền 3.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 608/KLGĐ-TT ngày 14/4/2017, số 765/KLGĐ-TT ngày 21/6/2017 và số 924/KLGĐ-TT ngày 30/6/2017 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận:

- "Hình dấu tròn có nội dung "VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TP.HỒ CHÍ MINH", chữ ký mang tên Thái Thị Kim C1 - Phó giám đốc chi nhánh tại nội dung thay đổi cập nhật chuyển nhượng cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017 trên Giấy chứng nhận mang tên Trần Kim Đ và trên Giấy chứng nhận mang tên Trần Tú A do Ngô Hoàng Cát T4 giao nộp là giả.

- Dấu vân tay mang tên "Trần Tú A" trên hợp đồng công chứng chuyển nhượng số 016281 giữa Trần Tú A và Ngô Thị Ngọc B, trên bản sao CMND được lưu trữ tại Văn Phòng C2 ở mẫu cần giám định trùng giống với dấu vân tay ngón trỏ trái, ngón trỏ phải của Nguyễn Thị Kim L ở mẫu so sánh do C72 - Bộ C5 cung cấp."

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 mang tên Trần Kim Đ, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017.

- 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 mang tên Trần Tú A, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017.

- 01 (một) bản chính giấy nhận tiền ngày 14/03/2017 của Ngô Thị Ngọc B ký, lăn tay.

- 01 (một) bản chính biên nhận tiền 10.600.000.000 đồng và 01 (một) bản chính biên nhận tiền với số tiền 7.400.000.000 đồng cùng ngày 14/3/2017 do Ngô Hoàng Cát T4 viết và ký tên.

(Các vật chứng trên đang được lưu trữ trong hồ sơ vụ án)

- Thu giữ của Nguyễn Hồng T5 60.000.000 đồng.

Về dân sự: bà Ngô Hoàng Cát T4 yêu cầu Ngô Thị Ngọc B bồi thường 10.600.000.000 đồng, B chưa bồi thường.

Tại Bản Cáo trạng số 124/CT-VKS-P2 ngày 03/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Nguyễn Thị Kim L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sảntheo điểm a khoản 4 Điều 139của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Bị cáo Ngô Thị Ngọc B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chứctheo điểm b khoản 2 Điều 267của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng, không oan sai.

Sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đối chiếu với toàn bộ lời khai của bị cáo, cùng với các tài liệu chứng cứ khác được đưa ra xem xét tại phiên tòa; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Kim L từ 12 đến 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Ngô Thị Ngọc B từ 14 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 02 – 03 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội từ 16 đến 18 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề liên quan thì đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Luật sư Đinh Văn T3 trình bày bài bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Kim L thống nhất về tội danh truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chỉ học hết lớp 2, trình độ học vấn thấp; bị cáo chỉ thu lợi bất chính 3.000.000 đồng, phạm tội do bị xúi giục, lôi kéo bởi người khác; cần phải xem xét trách nhiệm của công chứng viên khi chứng thực hợp đồng của bị cáo được ký ở ngoài văn phòng công chứng. Từ đó, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim L thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư, không tranh luận gì thêm.

Luật sư Trần Thị Huy C trình bày bài bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Ngọc B thống nhất về tội danh truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thực hiện hành vi phạm tội do bị dẫn dắt,

lôi kéo bởi đối tượng tên P; chỉ hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng, khả năng nhận thức pháp luật có phần hạn chế; phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Vì vậy, đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức Viện kiểm sát đã đề nghị. Luật sư kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét, làm rõ vai trò của Phòng công chứng số 2 khi ký công chứng mà không phát hiện ra việc cập nhật chủ sở hữu là giả. Trường hợp công chứng viên của văn phòng C2 có sai sót thì phải bồi thường theo quy định tại Điều 38 Luật công chứng.

Bị cáo Ngô Thị Ngọc B không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

Tranh luận lại ý kiến của vị luật sư, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Luật sư thống nhất về tội danh và chỉ nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình. Đối với ý kiến đề nghị xem xét vai trò của công chứng viên và văn phòng C2, phòng công chứng, kết quả điều tra xác định công chứng viên đã thực hiện đúng quy định nên chưa có căn cứ để xem xét.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo mong muốn được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ xác định:

Ngày 30/12/2016, tại Văn Phòng C2, Nguyễn Thị Kim L và các đối tượng (chưa rõ lai lịch) đã có hành vi dùng giấy Chứng minh nhân dân giả mạo bà Trần Tú A ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà G M, Phường E, Quận F cho Ngô Thị Ngọc B. Ngày 09/01/2017, B đến Chi nhánh văn phòng Đ1 nộp hồ sơ đăng bộ sang tên. Ngày 17/01/2017, khi biết căn nhà trên có đơn ngăn chặn từ bà Trần Tú A (chủ sở hữu thật) thì B rút lại hồ sơ. Do không đăng bộ sang tên được nên đối tượng tên P (chưa rõ lai lịch) đã làm giả phần cập nhập chuyển nhượng căn nhà sang cho B trên giấy chứng nhận. Ngày 16/02/2017, tại Phòng C4, Ngô Thị Ngọc B sử dụng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả này ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Lê Thị Thiên H2 với giá 10.000.000.000 đồng. Ngày 14/3/2017, cũng tại Phòng C3, Ngô Thị Ngọc B hủy hợp đồng chuyển nhượng căn nhà với bà Lê Thị Thiên H2 và ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Ngô Hoàng Cát T4 với giá 38.000.000.000 đồng. Bà T4 đã trả cho bà H2 số tiền 5.000.000.000 đồng giúp cho B và đưa trực tiếp cho B 5.600.000.000 đồng, tổng cộng là 10.600.000.000 đồng.

Như vậy, Nguyễn Thị Kim L đã có hành vi dùng CMND giả mạo bà Trần Tú A ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà G M, Phường E, Quận F cho Ngô Thị Ngọc B. Sau khi không làm thủ tục sang tên được, Ngô Thị Ngọc B đã làm giả phần cập nhật chuyển nhượng căn nhà trên sang cho B và ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Ngô Hoàng Cát T4 để chiếm đoạt 10.600.000.000 đồng. Các bị cáo L, B đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tuy không trực tiếp chiếm đoạt số tiền trên của bà T4 nhưng xuất phát từ hành vi của bị cáo L đã tạo điều kiện để B và các đối tượng khác chiếm đoạt số tiền trên nên bị cáo L cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ hậu quả của vụ án. Bị cáo B còn có hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức sau đó sử dụng giấy tờ giả này thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần.

Do đó, đã có đủ cơ sở để kết tội bị cáo Nguyễn Thị Kim L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139bị cáo Ngô Thị Ngọc B phạm các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 và "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chứctheo điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 như Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Ngày 24/02/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 48/2023/HSST-QĐ yêu cầu cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xem xét hành vi của công chứng viên và trách nhiệm bồi thường của các tổ chức hành nghề công chứng gồm Văn phòng C2 và Phòng C3. Tuy nhiên, kết quả điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định các công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng trên đã thực hiện đúng quy trình, quy định tại các Điều 40, 41, 44 của Luật Công chứng; các tổ chức hành nghề công chứng không có phần

mềm để thực hiện việc kiểm tra thông tin về chủ sở hữu quyền sử dụng đất và các cập nhật biến động đối với căn nhà G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, giữ nguyên quan điểm cho rằng không có căn cứ xác định các công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng có dấu hiệu của tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng". Do giới hạn của việc xét xử theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B trong phạm vi như cáo trạng truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác; xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra về tội danh mà từng bị cáo phạm phải thì mới có tác dụng giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo Ngô Thị Ngọc B còn phải chịu hình phạt tổng hợp chung của nhiều tội theo Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn; các bị cáo phạm tội với vai trò giúp sức, do bị lôi kéo và lợi dụng của các đối tượng khác và chỉ được hưởng lợi số tiền rất nhỏ (mỗi bị cáo chỉ được hưởng lợi số tiền 3.000.000 đồng) nên áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Khi tham gia thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có vai trò, vị trí và mức độ hành vi phạm tội là khác nhau nên mức hình phạt khi lượng hình cũng khác nhau. Bị cáo B làm giả phần cập nhật chuyển nhượng, sau đó ký hợp đồng chuyển nhượng nhiều lần cho bà Lê Thị Thiên H2 và Ngô Hoàng Cát T4, từ đó gây thiệt hại cho bà T4 số tiền 10.600.000.000 đồng, phạm nhiều tội nên mức hình phạt đối với bị cáo B phải cao hơn so với bị cáo L.

Đối với Nguyễn Hồng T5 là người môi giới để Ngô Hoàng Cát T4 mua căn nhà 74 Minh Phụng của bị cáo Ngô Thị Ngọc B, khi giới thiệu T5 không biết Giấy chứng nhận do đối tượng T5 già (không rõ lai lịch) và Ngô Thị Ngọc B làm giả phần cập nhập sang tên cho B để chiếm đoạt tiền, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với các đối tượng tên D, Mỹ, P, T7 và T5 già (chưa rõ lai lịch) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Ngô Hoàng Cát T4 yêu cầu Ngô Thị Ngọc B trả lại số tiền 10.600.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo L không trực tiếp tham gia các giao dịch chuyển nhượng với bà T4 và không được hưởng lợi gì từ việc này; bị cáo B là người trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng và các giấy tờ nhận số tiền 10.600.000.000 đồng của bà T4 nên căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc B phải trả lại cho bà Ngô Hoàng Cát T4 toàn bộ số tiền trên.

Quá trình điều tra, đã thu giữ được 60.000.000 đồng của Nguyễn Hồng T5 là tiền hoa hồng mà T5 được hưởng từ việc giới thiệu mua bán nhà đất giữa bị cáo B và bà T4 nên cần tiếp tục tạm giữ số tiền này để trả lại cho bà T4. Do đó, bị cáo B còn phải trả lại cho bà T4 tổng số tiền còn lại là 10.540.000.000 đồng.

- Bà Trần Tú A không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc các bị cáo phải bồi thường.

- Quá trình điều tra chưa ghi nhận được ý kiến của đại diện hợp pháp của bị hại Trần Kim Đ, tại phiên toà những người này vắng mặt nên Hội đồng xét xử chưa có căn cứ để giải quyết các nội dung liên quan đến trách nhiệm dân sự của những người này. Đại diện hợp pháp của bị hại Trần Kim Đ và các bị cáo nếu có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 mang tên Trần Kim Đ, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017; 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 mang tên Trần Tú A, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017; 01 (một) bản chính giấy nhận tiền ngày 14/03/2017 của Ngô Thị Ngọc B ký, lăn tay; 01 (một) bản chính biên nhận tiền 10.600.000.000 đồng và 01 (một) bản chính biên nhận tiền với số tiền 7.400.000.000 đồng cùng ngày 14/3/2017 do Ngô Hoàng Cát T4 viết và ký tên. Đây là các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Do bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 mang tên Trần Kim Đ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 mang tên Trần Tú A, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh đã bị làm giả phần cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017 và là vật chứng lưu theo hồ sơ vụ án.

Vì vậy, cần dành cho bà Trần Tú A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục xin được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 toạ lạc tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Tú A theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Kim Đ đã chết nên hợp đồng uỷ quyền giữa ông Đ với bà Tú A đã không còn hiệu lực pháp luật nên cần dành cho những người đồng thừa kế của ông Trần Kim Đ bao gồm: người được thừa kế theo di chúc (nếu có) và những người được thừa kế theo pháp luật của ông Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục xin được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 toạ lạc tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Kim Đ theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Nguyễn Thị Kim L 12 (mười hai) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2020.

2. Căn cứ Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt Ngô Thị Ngọc B 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 02 (hai) năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2021.

3. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc B phải trả lại cho bà Ngô Hoàng Cát T4 số tiền 10.540.000.000 (mười tỷ năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng thu giữ của Nguyễn Hồng T5 theo Giấy nộp tiền vào tài khoản Cơ quan CSĐT Công an Thành phố H để trả lại cho bà Ngô Hoàng Cát T4.

- Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B không phải bồi thường cho bà Trần Tú A.

- Dành cho đại diện hợp pháp của bị hại Trần Kim Đ được quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án: 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 mang tên Trần Kim Đ, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017; 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 mang tên Trần Tú A, tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, đã cập nhật chuyển cho Ngô Thị Ngọc B vào ngày 17/01/2017; 01 (một) bản chính giấy nhận tiền ngày 14/03/2017 của Ngô Thị Ngọc B ký, lăn tay; 01 (một) bản chính biên nhận tiền 10.600.000.000 đồng và 01 (một) bản chính biên nhận tiền với số tiền 7.400.000.000 đồng cùng ngày 14/3/2017 do Ngô Hoàng Cát T4 viết và ký tên.

- Bà Trần Tú A được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục xin được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB427701 toạ lạc tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Tú A theo quy định của pháp luật.

- Những người đồng thừa kế của ông Trần Kim Đ bao gồm: người thừa kế theo di chúc (nếu có) và những người thừa kế theo pháp luật của ông Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục xin được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB475300 toạ lạc tại địa chỉ G M, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh mang tên Trần Kim Đ theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Ngô Thị Ngọc B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Ngô Thị Ngọc B phải chịu 118.540.000 (một trăm mười tám triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 (sau đây gọi tắt là Luật thi hành án dân sự) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THA-DS; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (4)
- Phòng THA-HS; (2)
- Phòng PV06-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở tư pháp; (1)
- Luật sư, đương sự; (10)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (P/32) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên